



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International



Accountants &  
business advisers

## **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022





**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ  
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	1 - 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4 - 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 33

# CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA

Địa chỉ: Số 467, đường Lê Hoàn, Phường Ngọc Trạo, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Môi trường và Đô thị Thanh Hóa, được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 2800152894 đăng ký lần đầu ngày 03/06/2010, thay đổi lần 5 ngày 26/8/2021 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 467, đường Lê Hoàn, Phường Ngọc Trạo, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam.

### 2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Chính	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Đỗ Thị Minh Hải	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Hồ Viết Lân	Thành viên
Ông Thiệu Văn San	Thành viên
Ông Lê Mạnh Thắng	Thành viên

#### Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Trương Thị Thanh Bình	Trưởng ban
Bà Tống Thị Thọ	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Hải	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Hồ Viết Lân	Giám đốc	
Ông Thiệu Văn San	Phó Giám đốc	
Ông Trần Chính	Phó Giám đốc	
Ông Lê Hồng Quân	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28/3/2022

#### Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Chính – Chủ tịch Hội đồng Quản trị (sinh ngày 26/03/1966; Số CCCD: 038066020190 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội cấp ngày 11/08/2021; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 06/27 Ngô Sỹ Liên, phường Tân Sơn, TP Thanh Hóa) và ông Hồ Viết Lân – Giám đốc (sinh ngày 20/04/1970; Số CCC: 038070029322 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội cấp ngày 14/08/2021; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 11 Phố Thôi Hữu, phường Ngọc Trạo, TP Thanh Hóa).

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

**6. Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

**7. Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 467, đường Lê Hoàn, Phường Ngọc Trạo, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

**8. Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc,



**HỒ VIỆT LÂN**

**Giám đốc**

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 30 tháng 03 năm 2023



Số: 074/2023/BCKT-PB.00482

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2023, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2022, số dư nợ vay và lãi vay phải trả Bộ Tài chính trên Bảng cân đối kế toán đang theo dõi là 31.506.834.821 đồng. Trong đó, số dư gốc vay trên Bảng cân đối kế toán là 24.307.149.129 đồng, số dư gốc vay đã có đối chiếu tại ngày 31/12/2022 là 14.298.929.406 đồng. Số dư gốc vay chưa có đối chiếu, xác nhận tại ngày 31/12/2022 là 10.008.219.723 đồng. Số dư lãi vay phải trả Bộ Tài chính trên Bảng cân đối kế toán theo nội dung hợp đồng vay với số tiền gốc 43.372.381.129 đồng đang theo dõi là 7.199.685.692 đồng, số dư lãi vay đã có đối chiếu tại ngày 31/12/2022 là 0 đồng. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế, do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về tính đầy đủ và giá trị của khoản vay chưa có đối chiếu xác nhận.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 23 tháng 03 năm 2022.



**ĐẶNG NGỌC KHÁNH**

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2505-2019-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN  
AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 03 năm 2023

**NGUYỄN KÌ ANH**

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3331-2022-009-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 467, đường Lê Hoàn, Phường Ngọc Trạo, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 01 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>156.474.786.376</b>	<b>141.232.572.290</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>20.373.432.146</b>	<b>25.936.872.376</b>
1. Tiền	111		13.723.432.146	13.936.872.376
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.650.000.000	12.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>129.185.799.606</b>	<b>98.727.082.937</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	105.613.681.323	73.522.193.875
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	1.116.430.000	4.691.828.952
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	22.573.188.283	20.630.560.110
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.3	(117.500.000)	(117.500.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.5	<b>6.421.049.740</b>	<b>16.426.410.321</b>
1. Hàng tồn kho	141		6.421.049.740	16.426.410.321
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>494.504.884</b>	<b>142.206.656</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	58.078.763	93.685.608
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	48.521.048
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.9	436.426.121	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>17.770.679.235</b>	<b>16.166.180.767</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>14.614.144.536</b>	<b>14.104.828.045</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	14.614.144.536	14.104.828.045
- Nguyên giá	222		81.980.694.469	77.071.381.885
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(67.366.549.933)	(62.966.553.840)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.156.534.699</b>	<b>2.061.352.722</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	3.156.534.699	2.061.352.722
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>174.245.465.611</b>	<b>157.398.753.057</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 467, đường Lê Hoàn, Phường Ngọc Trạo, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 01 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>139.996.090.796</b>	<b>124.155.719.614</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>91.997.271.561</b>	<b>74.337.545.983</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	28.473.570.108	18.219.184.973
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.919.099.218	7.640.903.855
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	2.326.634.989	3.446.878.682
4. Phải trả người lao động	314		5.395.809.047	2.898.375.339
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.10	126.302.991	141.070.311
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	37.276.342.757	33.503.991.703
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	15.361.773.751	8.094.478.737
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		117.738.700	392.662.383
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>47.998.819.235</b>	<b>49.818.173.631</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.13	7.199.685.692	-
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.10	17.941.805.080	15.665.961.606
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	22.857.328.463	34.152.212.025
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>34.249.374.815</b>	<b>33.243.033.443</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.14	<b>35.052.984.840</b>	<b>34.089.392.468</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.977.900.000	32.977.900.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.075.084.840	1.111.492.468
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.075.084.840	1.111.492.468
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>(803.610.025)</b>	<b>(846.359.025)</b>
1. Nguồn kinh phí	431		(803.610.025)	(846.359.025)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>174.245.465.611</b>	<b>157.398.753.057</b>



Giám đốc  
HỒ VIỆT LÂN

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 30 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng  
LÊ THỊ THU HÀ

Người lập biểu  
NGUYỄN THẾ ANH

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 467, đường Lê Hoàn, Phường Ngọc Trạo, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 02 - DN

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	235.688.250.640	224.742.779.733
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	958.236.364	431.913.636
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>234.730.014.276</b>	<b>224.310.866.097</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	216.492.072.853	210.926.794.639
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>18.237.941.423</b>	<b>13.384.071.458</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	784.621.891	517.069.048
7. Chi phí tài chính	22	6.5	1.353.425.932	1.803.500.125
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.353.425.932	1.803.500.125
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	15.710.969.997	10.700.084.519
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>1.958.167.385</b>	<b>1.397.555.862</b>
11. Thu nhập khác	31	6.7	1.129.995.697	55.146.711
12. Chi phí khác	32	6.8	256.134.397	47.757.712
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>873.861.300</b>	<b>7.388.999</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>2.832.028.685</b>	<b>1.404.944.861</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	558.782.432	272.278.023
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>2.273.246.253</b>	<b>1.132.666.838</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	481	257
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.11	481	257



Giám đốc

**HÒ VIẾT LÂN**

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 30 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng

**LÊ THỊ THU HÀ**

Người lập biểu

**NGUYỄN THẾ ANH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 467, đường Lê Hoàn, Phường Ngọc Trạo, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***Theo phương pháp trực tiếp*

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Mẫu số B 03 - DN**

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	213.801.207.968	203.371.029.579
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	02	(50.174.666.417)	(131.448.691.016)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(32.028.556.639)	(31.291.519.417)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(1.335.649.136)	(276.724.025)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(417.793.947)	(127.946.408)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	68.089.865.587	12.121.840.230
7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	07	(200.023.575.518)	(44.815.117.656)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(2.089.168.102)</b>	<b>7.532.871.287</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(3.928.790.000)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	366.338.572	429.882.382
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(3.562.451.428)</b>	<b>429.882.382</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	25.904.179.447	28.012.518.008
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(24.989.724.255)	(27.746.548.193)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(826.275.892)	(1.628.185.554)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>88.179.300</b>	<b>(1.362.215.739)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(5.563.440.230)</b>	<b>6.600.537.930</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>25.936.872.376</b>	<b>19.336.334.446</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>20.373.432.146</b>	<b>25.936.872.376</b>



Giám đốc  
HỒ VIẾT LÂN

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 30 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng  
LÊ THỊ THU HÀ

Người lập biểu  
NGUYỄN THẾ ANH

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 467, đường Lê Hoàn, Phường Ngọc Trạo, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

**Mẫu số B 09 - DN**

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các Báo cáo tài chính đính kèm.

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Môi trường và Đô thị Thanh Hóa, được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 2800152894 đăng ký lần đầu ngày 03/06/2010, thay đổi lần 5 ngày 26/8/2021 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 467, đường Lê Hoàn, Phường Ngọc Trạo, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam.

Từ ngày 09/06/2016 hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800152894 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 09/06/2016 chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 32.977.900.000 đồng, chia thành 3.297.790 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, không có cổ phần ưu đãi.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau

<b><u>STT</u></b>	<b><u>Tên</u></b>	<b><u>Địa chỉ</u></b>
1	Xí nghiệp Duy tu thoát nước	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
2	Xí nghiệp Công viên 1,2,3	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
3	Chi nhánh miền Tây	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
4	Xí nghiệp Dịch vụ tang lễ	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
5	Xí nghiệp Cơ khí Xây lắp Công trình	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
6	Xí nghiệp Xử lý môi trường	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
7	Xí nghiệp Xây dựng	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
8	Xí nghiệp Quản lý và Xây lắp điện	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
9	Xí nghiệp môi trường số 1,2,3	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
10	Xí nghiệp xe máy vận chuyển	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
11	Đội thu phí vệ sinh	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
12	Xí nghiệp xử lý nước thải	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
13	Văn phòng công ty	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

**1.2 Ngành nghề kinh doanh**

- Dịch vụ thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải, tái chế phế liệu: Rác thải không độc hại, độc hại, rác thải y tế, rác thải công nghiệp, rác thải độc hại khác,
- Hoạt động quản lý thoát nước và xử lý nước thải;
- Quản lý, khai thác, chăm sóc công viên, khuôn viên, vườn xanh đô thị,
- Quản lý, khai thác, bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng, điện trang trí thành phố, thiết bị kĩ thuật điện và công nghiệp;
- Quản lý nghĩa trang, nghĩa địa. Dịch vụ tang lễ;
- Quản lý duy tu đường giao thông nội thị;
- Sản xuất, cung cấp các sản phẩm thiết bị, phương tiện chuyên dùng phục sinh môi trường, điện chiếu sáng, công viên cây xanh, dịch vụ tang lễ;

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA

Địa chỉ: Số 467, đường Lê Hoàn, Phường Ngọc Trạo, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN

- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề, dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Xây dựng các công trình: Dân dụng, giao thông, thủy lợi, san lấp mặt bằng, hạ tầng đô thị, phòng chống mối mọt, xây dựng các công trình điện đến 35KV, sửa chữa và hoàn thiện các công trình xây dựng;
- Giám sát thi công các công trình: Dân dụng, giao thông, thủy lợi, san lấp mặt bằng, hạ tầng kĩ thuật đô thị, công trình điện đến 35KV;
- Tư vấn đấu thầu, lập dự án, tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình: Dân dụng, giao thông;
- Thiết kế lập tổng dự toán và dự toán công trình dân dụng, lập quy hoạch các công trình hạ tầng, kĩ thuật đô thị, khu công nghiệp;
- Kinh doanh và cung cấp các sản phẩm về cây xanh, hoa cây cảnh, giống cây trồng, xây dựng lắp đặt các công trình: vườn hoa, vườn cảnh, vườn rừng.

#### 1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

#### 1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập bởi Công ty đảm bảo tính so sánh thông tin.

#### 1.5 Lao động

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng số nhân viên của Công ty là 1.014 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 934 người).

### 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

#### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

##### **4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

##### **4.3 Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

##### **4.4 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

###### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

##### **4.5 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, phù hợp với quy định của Chế độ và chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2017/TT-BTC ngày 13/10/2017 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn, sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 467, đường Lê Hoàn, Phường Ngọc Trạo, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

**Mẫu số B 09 - DN**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 42
Máy móc thiết bị	05 - 15
Thiết bị vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	10

**4.6 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

**4.7 Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm doanh thu chưa thực hiện của doanh nghiệp trong năm tài chính. Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; Và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: Khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

**4.8 Các khoản vay**

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

**4.9 Vốn chủ sở hữu*****Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

#### **4.10 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

#### **4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch cung cấp dịch vụ.

##### ***Doanh thu xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **4.12 Chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

#### **4.13 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

#### **4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### **4.15 Công cụ tài chính**

##### **Tài sản tài chính**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### **Nợ phải trả tài chính**

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 467, đường Lê Hoàn, Phường Ngọc Trạo, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

**Mẫu số B 09 - DN****Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**4.16 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tiền mặt	3.588.034.469	2.432.310.218
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.103.101.166	11.504.562.158
Tiền đang chuyển	7.032.296.511	-
Các khoản tương đương tiền (i)	6.650.000.000	12.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>20.373.432.146</u></b>	<b><u>25.936.872.376</u></b>

(i) Phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương, Ngân hàng TMCP Á Châu, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Lãi suất từ 3,15%/năm đến 4,9%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 467, đường Lê Hoàn, Phường Ngọc Trạo, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN

**5.2 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Đội kiểm tra quy tắc đô thị thành phố Thanh Hóa	42.231.397.633	-
Ủy ban Nhân dân thành phố Thanh Hóa (Phòng tài chính Kế hoạch thành phố)	41.482.175.588	48.818.742.307
Ủy ban Nhân dân thành phố Thanh Hóa	1.190.409.114	1.190.409.114
BQL Công trình XD CB thành phố Thanh Hóa (Ban QLDA đầu tư xây dựng số 1)	1.108.798.000	2.052.608.000
Sở Lao động - Thương binh xã hội Thanh Hóa	-	1.446.389.000
Các đối tượng khác	19.600.900.988	20.014.045.454
<b>Cộng</b>	<b>105.613.681.323</b>	<b>73.522.193.875</b>

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Kiểm toán VFA	215.462.000	-	215.462.000	-
Bà Bùi Thị Loan	783.468.000	-	783.468.000	-
Ông Nguyễn Hồng Hải	-	-	850.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	117.500.000	(117.500.000)	2.842.898.952	(117.500.000)
	<b>1.116.430.000</b>	<b>(117.500.000)</b>	<b>4.691.828.952</b>	<b>(117.500.000)</b>

**5.4 Phải thu khác ngắn hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về cổ phần hóa ngắn hạn	288.723.000	-	288.723.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	1.002.390.412	-	853.501.580	-
Kỳ quỹ, ký cược	11.195.000.000	-	9.800.000.000	-
Các khoản phải thu liên quan đến Nghĩa trang Nhân dân Chợ Nhàng	7.702.652.367	-	8.142.425.933	-
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	539.386.652	-	121.103.333	-
Tiền BHXH, BHYT, BHTN của CBCNV	423.937.354	-	370.658.648	-
UBND Thành phố Thanh Hóa	292.600.000	-	292.600.000	-
Các khoản phải thu khác	1.128.498.498	-	761.547.616	-
<b>Cộng</b>	<b>22.573.188.283</b>	<b>-</b>	<b>20.630.560.110</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 467, đường Lê Hoàn, Phường Ngọc Trạo, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

**Mẫu số B 09 - DN****5.5 Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2022</b>		<b>01/01/2022</b>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	1.017.956.981	-	1.399.769.542	-
Công cụ, dụng cụ trong kho	28.253.454	-	32.750.199	-
Chi phí SXKD dở dang	4.976.291.311	-	14.482.407.086	-
Thành phẩm tồn kho	397.247.994	-	509.173.494	-
Hàng hóa tồn kho	1.300.000	-	2.310.000	-
<b>Cộng</b>	<b>6.421.049.740</b>	<b>-</b>	<b>16.426.410.321</b>	<b>-</b>

**5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn****5.6.1. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và các chi phí khác	58.078.763	93.685.608
<b>Cộng</b>	<b>58.078.763</b>	<b>93.685.608</b>

**5.6.2. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và các chi phí khác	3.156.534.699	2.061.352.722
<b>Cộng</b>	<b>3.156.534.699</b>	<b>2.061.352.722</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 467, đường Lê Hoàn, Phường Ngọc Trạo, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

**5.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		TSCĐ khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>												
Số dư tại ngày 01/01/2022	11.378.050.313	15.420.405.500	49.897.800.227	45.413.636	329.712.209	77.071.381.885						
- Mua trong năm	-	2.689.059.259	2.819.575.758	-	-	5.508.635.017						
- Thanh lý, nhượng bán	(599.322.433)	-	-	-	-	(599.322.433)						
Số dư tại ngày 31/12/2022	10.778.727.880	18.109.464.759	52.717.375.985	45.413.636	329.712.209	81.980.694.469						
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>												
Số dư tại ngày 01/01/2022	6.028.350.131	15.183.797.252	41.379.280.612	45.413.636	329.712.209	62.966.553.840						
- Khấu hao trong năm	928.258.512	361.809.798	3.558.804.909	-	-	4.848.873.219						
- Thanh lý, nhượng bán	(448.877.126)	-	-	-	-	(448.877.126)						
Số dư tại ngày 31/12/2022	6.507.731.517	15.545.607.050	44.938.085.521	45.413.636	329.712.209	67.366.549.933						
<b>Giá trị còn lại</b>												
- Tại ngày 01/01/2022	5.349.700.182	236.608.248	8.518.519.615	-	-	14.104.828.045						
- Tại ngày 31/12/2022	4.270.996.363	2.563.857.709	7.779.290.464	-	-	14.614.144.536						

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

- Tại ngày 01/01/2022	859.090.300	5.940.599.099	11.071.706.970	45.413.636	329.712.209	18.246.522.214 VND
- Tại ngày 31/12/2022	844.323.300	15.308.405.500	12.905.569.804	45.413.636	329.712.209	29.433.414.449 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 467, đường Lê Hoàn, Phường Ngọc Trạo, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Mẫu số B 09 - DN****5.8 Các khoản phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2022</b>		<b>01/01/2022</b>	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Phát triển Tân Thành Phát	4.685.073.785	4.685.073.785	3.460.100.657	3.460.100.657
Ông Nguyễn Hồng Hải	2.089.800.000	2.089.800.000	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Thế Kỳ	1.897.905.531	1.897.905.531	2.167.135.531	2.167.135.531
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Cát Tường	1.146.768.000	1.146.768.000	398.551.000	398.551.000
Công ty TNHH MTV Cử Nga	1.510.500.000	1.510.500.000	-	-
Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh Ngọc Anh	-	-	1.660.924.586	1.660.924.586
Các khoản phải trả người bán khác	17.143.522.792	17.143.522.792	10.532.473.199	10.532.473.199
<b>Cộng</b>	<b>28.473.570.108</b>	<b>28.473.570.108</b>	<b>18.219.184.973</b>	<b>18.219.184.973</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 467, đường Lê Hoàn, Phường Ngọc Trạo, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

**5.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2022		Phát sinh trong năm		31/12/2022	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp/ Điều chỉnh tăng VND	Số đã nộp/ Điều chỉnh giảm VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng	2.985.667.656	-	11.054.978.751	12.249.196.814	1.791.449.593	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	316.413.591	-	615.366.788	417.793.947	513.986.432	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	121.229.500	-	3.462.224.520	4.019.880.141	-	436.426.121
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	23.567.935	-	80.221.810	82.590.781	21.198.964	-
<b>Cộng</b>	<b>3.446.878.662</b>	<b>-</b>	<b>15.212.791.869</b>	<b>16.769.461.683</b>	<b>2.326.634.989</b>	<b>436.426.121</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Doanh thu từ dịch vụ chăm sóc mộ, duy trì chăm sóc công viên không chịu thuế GTGT. Với các doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác, từ ngày 01/02/2022 đến ngày 31/12/2022, Công ty áp dụng áp dụng chính sách miễn, giảm thuế GTGT theo quy định tại Nghị quyết 43/2022/QH15 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, ngày 11/1/2022 và Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ban hành ngày 28/01/2022.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Căn cứ các quy định tại Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2019 và Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài Chính, theo đó:

- Công ty có phát sinh thu nhập từ hoạt động quét thu gom, xử lý rác thải, vệ sinh môi trường, duy tu thoát nước, xử lý nước thải, được hưởng ưu đãi thuế TNDN với thuế suất 10%;
- Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 467, đường Lê Hoàn, Phường Ngọc Trạo, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

**Mẫu số B 09 - DN****5.10 Doanh thu chưa thực hiện****5.10.1. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Doanh thu chăm sóc mộ	126.302.991	141.070.311
<b>Cộng</b>	<b>126.302.991</b>	<b>141.070.311</b>

**5.10.2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (i)	17.941.805.080	15.556.961.606
<b>Cộng</b>	<b>17.941.805.080</b>	<b>15.556.961.606</b>

(i) Phản ánh khoản doanh thu nhận trước từ thực hiện các dịch vụ liên quan đến cát táng bia mộ.

**5.11 Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Kinh phí công đoàn	230.390.212	72.726.787
Bảo hiểm xã hội	1.062.930.192	766.199.488
Bảo hiểm y tế	188.352.608	193.046.028
Bảo hiểm thất nghiệp	83.410.177	42.687.240
Phải trả cho nhân viên	6.991.407.496	4.698.660.976
Các khoản trích trước dự án lộ mộ cảnh quan dòng họ - Nghĩa trang Nhân dân Chợ Nhàng	22.505.481.189	23.535.792.102
Cổ tức	8.845.800	3.797.530
Các khoản phải trả phải nộp khác	6.205.525.083	4.191.081.552
<b>Cộng</b>	<b>37.276.342.757</b>	<b>33.503.991.703</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**  
 Địa chỉ: Số 467, đường Lê Hoàn, Phường Ngọc Trạo, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

	31/12/2022				01/01/2022			
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giảm VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>5.12 Vay và nợ thuế tài chính</b>								
<b>5.12.1. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>								
<b>Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>12.605.286.418</b>	<b>12.605.286.418</b>	<b>24.504.179.447</b>	<b>19.993.371.766</b>	<b>8.094.478.737</b>	<b>8.094.478.737</b>	<b>8.094.478.737</b>	<b>8.094.478.737</b>
Vay cá nhân (i)	4.616.000.000	4.616.000.000	10.061.000.000	12.152.000.000	6.707.000.000	6.707.000.000	6.707.000.000	6.707.000.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Thanh Hóa (ii)	7.989.286.418	7.989.286.418	14.443.179.447	7.841.371.766	1.387.478.737	1.387.478.737	1.387.478.737	1.387.478.737
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>2.756.487.333</b>	<b>2.756.487.333</b>	<b>2.756.487.333</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Bộ Tài chính (iii)	2.383.154.000	2.383.154.000	2.383.154.000	-	-	-	-	-
Quỹ Bảo vệ môi trường Thanh Hóa (iv)	373.333.333	373.333.333	373.333.333	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>15.361.773.751</b>	<b>15.361.773.751</b>	<b>27.260.666.780</b>	<b>19.993.371.766</b>	<b>8.094.478.737</b>	<b>8.094.478.737</b>	<b>8.094.478.737</b>	<b>8.094.478.737</b>
<b>5.12.2. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</b>								
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>22.857.328.463</b>	<b>22.857.328.463</b>	<b>1.400.000.000</b>	<b>12.694.883.562</b>	<b>34.152.212.025</b>	<b>34.152.212.025</b>	<b>34.152.212.025</b>	<b>34.152.212.025</b>
Bộ Tài chính (iii)	21.923.995.129	21.923.995.129	-	4.766.308.000	26.690.303.129	26.690.303.129	26.690.303.129	26.690.303.129
Lãi vay phải trả Bộ Tài chính	-	-	-	7.181.908.896	7.181.908.896	7.181.908.896	7.181.908.896	7.181.908.896
Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam	-	-	-	280.000.000	280.000.000	280.000.000	280.000.000	280.000.000
Quỹ Bảo vệ môi trường Thanh Hóa (iv)	933.333.334	933.333.334	1.400.000.000	466.666.666	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>22.857.328.463</b>	<b>22.857.328.463</b>	<b>1.400.000.000</b>	<b>12.694.883.562</b>	<b>34.152.212.025</b>	<b>34.152.212.025</b>	<b>34.152.212.025</b>	<b>34.152.212.025</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 467, đường Lê Hoàn, Phường Ngọc Trạo, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BAO CAO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

- (i) Các khoản vay ngắn hạn là các khoản vay cá nhân nhằm duy trì hoạt động kinh doanh. Hợp đồng vay thời hạn 01 năm, lãi suất cho vay 0%/năm. Hình thức đảm bảo: tín chấp.
- (ii) Số dư cuối kỳ phản ánh hợp đồng tín dụng ký ngày 28 tháng 4 năm 2022 giữa Ngân hàng TMCP Bản Việt – Chi nhánh Thanh Hóa và Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa. Hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 VND đến hết ngày 28 tháng 4 năm 2023. Lãi suất thả nổi. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- (iii) Số dư thể hiện khoản vay theo Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính và Công ty Môi trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa (nay là Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa) để thực hiện dự án Cải thiện môi trường đô thị miền Trung – ADB ký ngày 05 tháng 5 năm 2004, Khoản vay được giải ngân bằng các phương tiện vận tải, thiết bị vận hàng vào bản dự án thuộc cấu phần B, C và D của dự án. Thời hạn giải ngân đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2009. Lãi suất vay vốn là 5,4%/ năm. Thời hạn vay vốn là 20 năm, ân hạn trả nợ gốc và lãi là 06 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên của dự án. Sau thời kỳ ân hạn, lãi được trả cho Bộ Tài chính 06 tháng/lần vào ngày 01 tháng 6 và 01 tháng 12 hàng năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Phí cho vay lại của Ngân hàng Phát triển Việt Nam là 0,25%/năm trên số dư (đã nằm trong lãi suất cho vay nêu trên). Theo hợp đồng ủy quyền số 09/2004/UQ/BTC-TCDN ngày 19 tháng 8 năm 2004 về việc quản lý vốn vay tín dụng nước ngoài dự án Cải thiện Môi trường Đô thị miền trung vay vốn ADB ký giữa Quỹ hỗ trợ phát triển (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam) và Bộ Tài chính, Ngân hàng Phát triển Việt Nam đã quản lý một phần khoản vốn vay trị giá 27.201.840.027 đồng từ ngày 06 tháng 06 năm 2011.
- (iv) Phản ánh hợp đồng cho vay số 01/2022/HDCV giữa Quỹ Bảo vệ Môi trường Thanh Hóa và Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa ngày 18 tháng 3 năm 2022. Mục đích khoản vay để phát triển công tác thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt, nâng cao chất lượng môi trường sống, tạo công ăn việc làm cho người lao động. Khoản vay có thời hạn 48 tháng, ân hạn 03 tháng. Lãi suất cho vay 03%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 467, đường Lê Hoàn, Phường Ngọc Trạo, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

**Mẫu số B 09 - DN****5.13 Chi phí phải trả dài hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Lãi vay phải trả Bộ Tài chính	7.199.685.692	-
<b>Cộng</b>	<b>9.956.173.025</b>	<b>-</b>

**5.14 Vốn chủ sở hữu****5.14.1. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
<i>Năm trước</i>			
<b>Số dư tại ngày 01/01/2021</b>	<b>32.977.900.000</b>	-	<b>32.977.900.000</b>
Tăng trong năm trước	-	1.132.666.838	1.132.666.838
Lãi trong năm trước	-	1.132.666.838	1.132.666.838
Giảm trong năm trước	-	(21.174.370)	(21.174.370)
Giảm khác	-	(21.174.370)	(21.174.370)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2021</b>	<b>32.977.900.000</b>	<b>1.111.492.468</b>	<b>34.089.392.468</b>
<i>Năm nay</i>			
<b>Số dư tại ngày 01/01/2022</b>	<b>32.977.900.000</b>	<b>1.111.492.468</b>	<b>34.089.392.468</b>
Tăng trong năm nay	-	2.273.246.253	2.273.246.253
Lãi trong năm	-	2.273.246.253	2.273.246.253
Tăng vốn trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	(1.309.653.881)	(1.309.653.881)
Chi trả cổ tức (i)	-	(825.624.162)	(825.624.162)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	(285.868.306)	(285.868.306)
Giảm khác	-	(198.161.413)	(198.161.413)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2022</b>	<b>32.977.900.000</b>	<b>2.075.084.840</b>	<b>35.052.984.840</b>

- (i) Phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2022 ngày 20/5/2022.
- (ii) Phản ánh số tiền thuế GTGT, TNDN của năm 2021 phải nộp bổ sung theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế ngày 13/10/2022

**5.14.2. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa	17.297.900.000	17.297.900.000
Bà Đỗ Thị Minh Hải	7.039.000.000	7.039.000.000
Ông Nguyễn Thanh Bắc	4.581.000.000	4.581.000.000
Các cổ đông khác	4.060.000.000	4.060.000.000
<b>Cộng</b>	<b>32.977.900.000</b>	<b>32.977.900.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 467, đường Lê Hoàn, Phường Ngọc Trạo, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

**Mẫu số B 09 - DN****5.14.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01/01	32.977.900.000	32.977.900.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31/12	32.977.900.000	32.977.900.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	825.624.162	-

**5.14.4. Cổ phiếu**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Cổ phiếu</i>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.297.790	3.297.790
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.297.790	3.297.790
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.297.790	3.297.790
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.297.790	3.297.790
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.297.790	3.297.790
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP.

**5.14.5. Phân phối lợi nhuận**

	<b>Năm 2022</b>	<b>Ghi chú</b>
	<i>VND</i>	
Lợi nhuận đầu năm chưa phân phối	1.111.492.468	(1)
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm nay	2.273.246.253	(2)
Các khoản khác điều chỉnh giảm lợi nhuận	(198.161.413)	(3)
Các khoản khác điều chỉnh tăng lợi nhuận	-	(4)
Lợi nhuận được chia cổ tức và phân phối các quỹ trong năm	3.186.577.308	(5) = (1) + ... + (4)
Phân phối các quỹ và chia cổ tức, trong đó:	(1.111.492.468)	(6) = (7) + ... + (9)
- Chia cổ tức năm nay	(825.624.162)	(7)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	(8)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(285.868.306)	(9)
<b>Lợi nhuận còn lại chưa phân phối</b>	<b>2.075.084.840</b>	<b>(11) = (5) + (6)</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Doanh thu lô mộ cảnh quan dòng họ	-	381.094.596
Doanh thu bán lô mộ cát táng	18.372.528.983	19.615.452.221
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	217.315.721.657	204.746.232.916
<b>Cộng</b>	<b>235.688.250.640</b>	<b>224.742.779.733</b>
<b>Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 8.2.2)</b>	<b>183.202.502.575</b>	<b>138.111.498.112</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 467, đường Lê Hoàn, Phường Ngọc Trạo, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

**Mẫu số B 09 - DN**

	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
<b>6.2 Giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	958.236.364	431.913.636
<b>Cộng</b>	<b>958.236.364</b>	<b>431.913.636</b>
<b>6.3 Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn lô mộ cảnh quan dòng họ	-	261.054.036
Giá vốn bán lô mộ cát táng	18.372.528.983	19.615.452.221
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	198.119.543.870	191.050.288.382
<b>Cộng</b>	<b>216.492.072.853</b>	<b>210.926.794.639</b>
<b>6.4 Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	784.621.891	517.069.048
<b>Cộng</b>	<b>784.621.891</b>	<b>517.069.048</b>
<b>6.5 Chi phí hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền vay	1.353.425.932	1.803.500.125
<b>Cộng</b>	<b>1.353.425.932</b>	<b>1.803.500.125</b>
<b>6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	5.629.484.495	4.539.699.311
Chi phí đồ dùng văn phòng	131.822.399	141.575.940
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.013.367.920	416.622.522
Thuế, phí và lệ phí	3.103.897.161	2.071.516.196
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.954.130.214	1.671.224.056
Chi phí bằng tiền khác	1.878.267.808	1.859.446.494
<b>Cộng</b>	<b>15.710.969.997</b>	<b>10.700.084.519</b>
<b>6.7 Thu nhập khác</b>		
Thu phí quản lý	19.576.050	47.096.711
Thu từ thanh lý tài sản	958.236.364	-
Thu nhập khác	152.183.283	8.050.000
<b>Cộng</b>	<b>1.129.995.697</b>	<b>55.146.711</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 467, đường Lê Hoàn, Phường Ngọc Trạo, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN

6.8 Chi phí khác	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Các khoản phạt chậm nộp, phạt hành chính	98.568.853	47.714.688
Chi phí khác	157.565.544	43.024
<b>Cộng</b>	<b>256.134.397</b>	<b>47.757.712</b>
6.9 Chi phí thuế TNDN hiện hành	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>2.832.028.685</b>	<b>1.404.944.861</b>
Thu nhập tính thuế của hoạt động chịu thuế suất 20%	2.544.408.047	1.246.935.577
Thu nhập tính thuế của hoạt động chịu thuế suất 10%	287.620.638	133.479.717
Các khoản điều chỉnh tăng	105.693.794	47.714.688
Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Lợi nhuận tính thuế TNDN</b>	<b>2.937.722.479</b>	<b>1.428.129.982</b>
Thu nhập chịu thuế của hoạt động chịu thuế suất 20%	2.650.101.841	1.294.650.265
Thu nhập chịu thuế của hoạt động chịu thuế suất 10%	287.620.638	133.479.717
Thuế suất thuế TNDN không được hưởng ưu đãi 20%	20%	20%
Thuế suất thuế TNDN được hưởng ưu đãi 10%	10%	10%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp</b>	<b>558.782.432</b>	<b>272.278.023</b>
6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.273.246.253	1.132.666.838
Các khoản điều chỉnh giảm	(687.832.027)	(285.868.306)
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	(687.832.027)	(285.868.306)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>1.585.414.226</b>	<b>846.798.532</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (CP)	3.297.790	3.297.790
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>481</b>	<b>257</b>

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2022 ngày 20/5/2022 thì dự kiến trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ 15% - 20% lợi nhuận sau thuế đối với bộ phận văn phòng Công ty, trích lập toàn bộ lợi nhuận sau thuế đối với bộ phận kinh doanh.

**6.11 Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu. Do đó, Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 467, đường Lê Hoàn, Phường Ngọc Trạo, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN

**6.12 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	72.914.231.642	63.473.756.405
Chi phí nhân công	44.624.151.547	94.618.515.387
Khấu hao TSCĐ	4.848.873.219	5.397.496.956
Thuế, phí và lệ phí	3.540.323.282	2.071.516.196
Chi phí dịch vụ mua ngoài	90.792.570.546	32.512.673.029
Chi phí bằng tiền khác	10.450.728.578	8.981.086.680
<b>Cộng</b>	<b>227.170.878.814</b>	<b>207.055.044.653</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ****7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	25.904.179.447	28.012.518.008

**7.2 Tiền trả nợ gốc vay**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	24.989.724.255	27.746.548.193

**8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Các loại công cụ tài chính của Công ty :

A. Tài sản tài chính	01/01/2022		Giá trị sổ sách 31/12/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và tương đương tiền	25.936.872.376	-	20.373.432.146	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	94.152.753.985	(117.500.000)	128.186.869.606	(117.500.000)
<b>Cộng</b>	<b>120.089.626.361</b>	<b>(117.500.000)</b>	<b>148.560.301.752</b>	<b>(117.500.000)</b>
B. Nợ phải trả tài chính			Giá trị sổ sách	
			01/01/2022	31/12/2022
			VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác			51.723.176.676	65.749.912.865
Chi phí phải trả			-	7.199.685.692
<b>Cộng</b>			<b>93.969.867.438</b>	<b>111.168.700.771</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

***i. Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

*Rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

*Rủi ro về tỷ giá hối đoái*

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

*Rủi ro về lãi suất*

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

***ii. Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 467, đường Lê Hoàn, Phường Ngọc Trạo, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

**Mẫu số B 09 - DN**

<b>Tại ngày 01/01/2022</b>	<b>Từ 01 năm trở xuống</b>	<b>Trên 01 năm đến 05 năm</b>	<b>Trên 05 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
	VND	VND	VND	VND
Tiền và tương đương tiền	25.936.872.376	-	-	25.936.872.376
Phải thu khách hàng, phải thu khác	94.152.753.985	-	-	94.152.753.985
<b>Cộng</b>	<b>120.089.626.361</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>120.089.626.361</b>
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>Từ 01 năm trở xuống</b>	<b>Trên 01 năm đến 05 năm</b>	<b>Trên 05 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
	VND	VND	VND	VND
Tiền và tương đương tiền	20.373.432.146	-	-	20.373.432.146
Phải thu khách hàng, phải thu khác	128.186.869.606	-	-	128.186.869.606
<b>Cộng</b>	<b>148.560.301.752</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>148.560.301.752</b>

**iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

<b>Tại ngày 01/01/2022</b>	<b>Từ 01 năm trở xuống</b>	<b>Trên 01 năm đến 05 năm</b>	<b>Trên 05 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác	51.723.176.676	-	-	51.723.176.676
Chi phí phải trả	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>59.817.655.413</b>	<b>34.152.212.025</b>	<b>-</b>	<b>93.969.867.438</b>
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>Từ 01 năm trở xuống</b>	<b>Trên 01 năm đến 05 năm</b>	<b>Trên 05 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác	65.749.912.865	-	-	65.749.912.865
Chi phí phải trả	-	7.199.685.692	-	7.199.685.692
<b>Cộng</b>	<b>78.355.199.283</b>	<b>32.813.501.488</b>	<b>-</b>	<b>111.168.700.771</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**9. CÁC THÔNG TIN KHÁC****9.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 467, đường Lê Hoàn, Phường Ngọc Trạo, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

**Mẫu số B 09 - DN****9.2. Danh sách bên liên quan của Công ty****Bên liên quan**

Ủy ban Nhân dân Thành phố Thanh Hóa  
 Ông Trần Chính  
 Bà Đỗ Thị Minh Hải  
 Ông Hồ Viết Lân  
 Ông Thiệu Văn Sơn  
 Ông Lê Mạnh Thắng  
 Ông Lê Hồng Quân  
 Bà Trương Thị Thanh Bình  
 Bà Tống Thị Thọ  
 Ông Nguyễn Tiến Hải

**Mối quan hệ**

Bên liên quan của Chủ sở hữu  
 Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Giám đốc  
 Phó Chủ tịch HĐQT  
 Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc  
 Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc  
 Thành viên HĐQT  
 Phó Giám đốc  
 Trưởng ban kiểm soát  
 Thành viên ban kiểm soát  
 Thành viên ban kiểm soát

**9.2.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt***Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt***Tiền lương của Ban giám đốc và Hội đồng quản trị**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Trần Chính	193.363.200	134.051.728
Bà Đỗ Thị Minh Hải	147.021.600	141.534.000
Ông Hồ Viết Lân	170.098.800	125.310.908
Ông Thiệu Văn Sơn	146.922.000	106.223.523
Ông Lê Hồng Quân	36.730.500	106.223.523
<b>Cộng</b>	<b>694.136.100</b>	<b>613.343.682</b>

**Thù lao của Hội đồng quản trị**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Trần Chính	25.200.000	12.600.000
Ông Hồ Viết Lân	25.200.000	25.200.000
Ông Thiệu Văn Sơn	25.200.000	25.200.000
Ông Lê Mạnh Thắng	25.200.000	12.600.000
<b>Cộng</b>	<b>100.800.000</b>	<b>75.600.000</b>

**Lương và thù lao của Ban kiểm soát**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Bà Trương Thị Thanh Bình	134.521.200	42.342.000
Bà Tống Thị Thọ	16.800.000	8.400.000
Ông Nguyễn Tiến Hải	16.800.000	8.400.000
<b>Cộng</b>	<b>168.121.200</b>	<b>116.288.273</b>

*Các giao dịch khác với thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt:*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không có số dư phải thu/phải trả khác với các thành viên quản lý chủ chốt.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 467, đường Lê Hoàn, Phường Ngọc Trạo, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

**Mẫu số B 09 - DN****9.2.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan***Giao dịch với các bên liên quan***Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ủy ban Nhân dân Thành phố Thanh Hóa	183.202.502.575	138.111.498.112
<b>Cộng</b>	<b>183.202.502.575</b>	<b>138.111.498.112</b>

*Công nợ với các bên liên quan*

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty không còn có các số dư với các bên liên quan khác.

**9.3. Thông tin về bộ phận**

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**9.4. Những khoản nợ tiềm tàng**

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

**9.5. Thông tin về hoạt động liên tục**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**9.6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**9.7. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu của Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.



**Giám đốc**  
**HỒ VIẾT LÂN**

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 30 tháng 03 năm 2023

**Kế toán trưởng**  
**LÊ THỊ THU HÀ**

**Người lập biểu**  
**NGUYỄN THẾ ANH**